

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị
về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII
về công tác dân số trong tình hình mới

Thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây viết tắt là Kết luận số 149-KL/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 149-KL/TW nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh về vị trí, vai trò công tác dân số trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện Kết luận số 149-KL/TW phải được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc, hiệu quả, đồng bộ với các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực dân số và phát triển gắn với thực tiễn của từng địa bàn, cơ quan, đơn vị; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị từ đó đề ra kế hoạch thực hiện tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phân đầu đạt mức sinh thay thế; giảm tỷ số giới tính khi sinh; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số. Chủ động tận dụng có hiệu quả dư lợi cơ cấu dân số vàng và thích ứng với già hoá dân số.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phân đầu đạt mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con), quy mô dân số 1.859.359 người.
- Giảm tỷ lệ sinh hằng năm 0,2‰; giảm trung bình 0,5% tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên mỗi năm.
- Phân đầu 90% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận với các biện pháp tránh thai hiện đại. Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc có dưới 10.000 người.
- Tỷ số giới tính khi sinh 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 24%; tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%.
- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khoẻ trước khi kết hôn đạt 80%; giảm 15% số cặp tảo hôn, không còn số cặp kết hôn cận huyết thống.
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh đạt 60%; tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc bệnh bẩm sinh phổ biến đạt 80%.
- Tuổi thọ bình quân đạt 74 tuổi, trong đó thời gian sống khoẻ mạnh đạt tối thiểu 68 tuổi; 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khoẻ, được khám chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.
- Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 164cm, nữ đạt 154cm. Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,72.
- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với công tác dân số

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt sâu sắc, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 21-NQ/TW, nhất là quan điểm chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và

phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước giàu mạnh và thịnh vượng trong kỷ nguyên mới.

- Nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm, đổi mới phương thức lãnh đạo; đổi mới tư duy trong chỉ đạo và thực hiện; xem dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu, công tác dân số là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết, vừa lâu dài của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và hệ thống chính trị. Xác định công tác dân số là nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền; thực hiện lồng ghép các yếu tố dân số vào chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương.

- Kiện toàn Ban chỉ đạo công tác dân số và phát triển các cấp; bảo đảm các điều kiện cần thiết để tổ chức bộ máy thực hiện công tác dân số các cấp sau sáp nhập đơn vị hành chính đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Phát huy hiệu quả vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp liên ngành của Ban chỉ đạo công tác dân số và phát triển các cấp.

2. Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động về công tác dân số

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác dân số trong tình hình mới. nêu cao tinh thần trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội trong việc thực hiện chính sách dân số và phát triển đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Phát huy lợi thế của truyền thông số, truyền thông xã hội với tiêu chí đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức, sát với thực tiễn và phù hợp với từng đối tượng, từng vùng để chuyển tải các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kiến thức về dân số tới từng người dân nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về dân số và phát triển.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cả cộng đồng trong công tác dân số; phát động và tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện hiệu quả công tác dân số trong tình hình mới gắn với các phong trào thi đua, cuộc vận động, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khoẻ, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

3. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách, pháp luật về dân số, về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi,... theo đúng chỉ đạo của Trung ương.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh có liên quan đến công tác dân số để đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các chính sách cho phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ có tính chiến lược, toàn diện và lâu dài.

4. Triển khai đồng bộ các giải pháp về công tác dân số

- Đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số với các giải pháp: củng cố, phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; mạng lưới chăm sóc người cao tuổi; từng bước phát triển mạng lưới chuyên ngành lão khoa; triển khai có hiệu quả công tác phòng bệnh, nâng cao sức khỏe bà mẹ, trẻ em và người dân.

- Bảo đảm nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số, ưu tiên ngân sách nhà nước cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhất là đối với đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ dân số.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kiến thức chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, nhất là cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố; thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, đáp ứng yêu cầu chuyển trọng tâm chính sách từ dân số kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả các chương trình tạo việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị, tăng thời gian sử dụng lao động ở khu vực nông thôn. Mở rộng, nâng cao hiệu quả giáo dục, đào tạo dạy nghề gắn với thị trường lao động.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin dữ liệu về dân số, cung cấp thông tin dữ liệu đầy đủ, tin cậy và kịp thời, dự báo dân số chính xác phục vụ cho công tác lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

5. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong công tác dân số

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực liên quan đến công tác dân số và phát triển; tăng cường kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của các thông tin phục vụ hoạch định chính sách dân số.

- Ứng dụng các nền tảng số trong công tác truyền thông, vận động thay đổi hành vi, nâng cao nhận thức cộng đồng về dân số và phát triển, phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng miền, dân tộc thiểu số.

- Triển khai các mô hình tư vấn, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe người cao tuổi dựa trên nền tảng công nghệ như hồ sơ sức khỏe điện tử, khám, chữa bệnh từ xa, ... nhằm mở rộng tiếp cận, giảm chi phí và nâng cao chất lượng các dịch vụ dân số.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, đặc biệt là kỹ năng thu thập, phân tích và sử dụng dữ liệu số phục vụ quản lý và lập kế hoạch dân số và phát triển phù hợp thực tiễn địa phương.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Kết luận số 149-KL/TW và Kế hoạch này đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW và Kế hoạch này, cụ thể nội dung, lộ trình triển khai theo tinh thần “5 rõ” rõ người, rõ việc, rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm và rõ thời gian, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra, phù hợp, hiệu quả, sát với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương; định kỳ báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương về công tác dân số và phát triển, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện Kết luận số 149-KL/TW, Kế hoạch này và các chương trình, kế hoạch khác có liên quan.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện đảm bảo phù hợp với thực tế, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết, tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện theo quy định.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Kết luận số 149-KL/TW và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân bằng các hình thức thiết thực, phù hợp, hiệu quả.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, hướng

dẫn, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Kết luận số 149-KL/TW; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp phần thực hiện hiệu quả Kết luận số 149-KL/TW và Kế hoạch này.

6. Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp, tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (Báo cáo),
- Đảng ủy Chính phủ (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Lê Thị Kim Dung

Số và ký hiệu: 09-KH/TU
Email: null
Thời gian ký: 13/10/2025 14